

BẢN THUYẾT MINH

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2025/TT-NHNN ngày 14/10/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng

1. Sự cần thiết ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2025/TT-NHNN ngày 14/10/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng

- Thực hiện quy định tại Luật Các TCTD số 32/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH1)¹, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Thông tư số 35/2025/TT-NHNN quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng (Thông tư 35); trong đó, quy định chi tiết về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng (TCTD) của NHNN và TCTD.

- Ngày 10/12/2025, Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/5/2026; trong đó, khoản 2 Điều 35 quy định: *Thống đốc NHNN quy định việc tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho vay đặc biệt đối với TCTD*; khoản 3 Điều 38 quy định: *Thống đốc NHNN hướng dẫn về việc NHNN cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt*.

- Tại Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10 ban hành kèm theo Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ, NHNN được giao ban hành *Thông tư quy định về việc cho vay đặc biệt của tổ chức bảo hiểm tiền gửi; tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt từ NHNN* để quy định chi tiết khoản 2 Điều 35 và khoản 3 Điều 38 Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15.

Theo đó, NHNN xây dựng, ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 35 để bổ sung các quy định về việc vay đặc biệt, cho vay đặc biệt của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

2. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư được xây dựng gồm 17 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1: Sửa đổi tên gọi của Thông tư;

¹ Khoản 3 Điều 194 Luật Các TCTD quy định: *Thống đốc NHNN quy định chi tiết việc cho vay đặc biệt*.

- Từ Điều 2 đến Điều 7: Bổ sung các quy định chung về việc tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho vay đặc biệt đối với TCTD và việc NHNN cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi;

- Điều 8: Bổ sung 01 Chương (04 Điều) quy định các nội dung chi tiết của việc NHNN cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi, bao gồm: mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt, số tiền, thời hạn, lãi suất cho vay đặc biệt, trình tự NHNN cho vay đặc biệt, ký hợp đồng cho vay đặc biệt, giải ngân cho vay đặc biệt, trả nợ vay đặc biệt.

- Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 13, Điều 14, khoản 2 Điều 16: Sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Thông tư 35 để bổ sung (i) trình tự tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt đối với TCTD bị rút tiền hàng loạt; (ii) trình tự tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt; (iii) trách nhiệm của các bên có liên quan đến hoạt động cho vay đặc biệt đối với TCTD của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

- Điều 12: Bổ cục lại Chương V Thông tư 35.

- Điều 15: Bổ sung 01 Mục (02 Điều) vào Chương V Thông tư 35 để bổ sung trách nhiệm của các bên trong việc NHNN cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 16: (i) Bổ sung căn cứ ban hành Thông tư; (ii) Bổ sung 02 Phụ lục về mẫu hợp đồng NHNN cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi và mẫu báo cáo số liệu cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

- Điều 17: Quy định hiệu lực thi hành của dự thảo Thông tư.

3. Thuyết minh các nội dung tại dự thảo Thông tư

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
Thông tư quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng	Thông tư quy định về cho vay đặc biệt	Phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư (bổ sung quy định về việc NHNN cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi).
Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Bổ sung chủ thể cho vay đặc biệt đối với TCTD là tổ chức bảo hiểm tiền gửi, bổ

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
Thông tư này quy định về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), tổ chức tín dụng khác đối với tổ chức tín dụng.	Thông tư này quy định về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i> , tổ chức tín dụng khác đối với tổ chức tín dụng; <i>việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.</i>	sung quy định về việc cho vay đặc biệt của NHNN đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi; phù hợp với quy định tại Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15.
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, của tổ chức tín dụng khác đối với tổ chức tín dụng.	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức tín dụng <i>được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.</i> 2. <i>Tổ chức bảo hiểm tiền gửi.</i> 3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, <i>của tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i> , của tổ chức tín dụng khác đối với tổ chức tín dụng; <i>việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.</i>	- Sửa đổi, bổ sung để làm rõ đối tượng áp dụng là TCTD được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các TCTD, loại trừ đối tượng TCTD được thành lập, hoạt động theo các quy định khác của pháp luật (hiện nay có Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính). - Phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Thông tư sau khi được sửa đổi, bổ sung.
Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	<i>Không thay đổi</i>	
1. <i>Bên cho vay đặc biệt</i> là Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.	1. <i>Bên cho vay đặc biệt</i> là Ngân hàng Nhà nước, <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i> , tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng; <i>Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.</i>	Phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Thông tư sau khi được sửa đổi, bổ sung.
2. <i>Bên nhận chuyển giao bắt buộc</i> là bên nhận chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Mục 4 Chương X của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 được sửa đổi, bổ sung năm 2024, năm	<i>Không thay đổi</i>	

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
2025 (sau đây gọi là Luật Các tổ chức tín dụng).		
3. <i>Bên vay đặc biệt</i> là tổ chức tín dụng vay đặc biệt tại Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng khác.	3. <i>Bên vay đặc biệt</i> là tổ chức tín dụng vay đặc biệt tại Ngân hàng Nhà nước, <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i> , tổ chức tín dụng khác; <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt tại Ngân hàng Nhà nước</i> .	Phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Thông tư sau khi được sửa đổi, bổ sung.
4. <i>Gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt</i> là việc kéo dài thêm một khoảng thời gian vượt quá thời hạn cho vay đặc biệt quy định tại khoản 14 Điều này. 5. <i>Khoản lãi phải thu</i> là quyền đòi nợ của tổ chức tín dụng đối với số dư nợ lãi phát sinh từ hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (không bao gồm khách hàng là tổ chức tín dụng). 6. <i>Ngân hàng Nhà nước Khu vực</i> là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi bên vay đặc biệt đặt trụ sở chính. 7. <i>Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đang hạch toán khoản cho vay đặc biệt</i> là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đang thực hiện hạch toán khoản cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với bên vay đặc biệt. 8. <i>Phương án chuyển giao bắt buộc</i> là phương án cơ cấu lại quy định tại khoản 28 Điều 4 và Mục 4 Chương X của Luật Các tổ chức tín dụng. 9. <i>Phương án cơ cấu lại</i> là phương án phục hồi; phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp; phương án chuyển giao bắt buộc được xây dựng và phê	<i>Không thay đổi</i>	

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
duyet theo Luật Các tổ chức tín dụng hoặc phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật Các tổ chức tín dụng. 10. <i>Phương án phục hồi</i> là phương án cơ cấu lại quy định tại Mục 2 Chương X của Luật Các tổ chức tín dụng. 11. <i>Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp</i> là phương án cơ cấu lại quy định tại Mục 3 Chương X của Luật Các tổ chức tín dụng. 12. <i>Quy trình cho vay đặc biệt</i> là văn bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành để hướng dẫn ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc, bên nhận chuyển giao bắt buộc và các đơn vị có liên quan thực hiện việc cho vay đặc biệt theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. 13. <i>Quyền đòi nợ gốc</i> là quyền đòi nợ của tổ chức tín dụng đối với số dư nợ gốc phát sinh từ hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (không bao gồm khách hàng là tổ chức tín dụng).		
14. <i>Quyết định cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước</i> là Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng trong trường hợp việc cho vay đặc biệt thuộc thẩm quyền quyết định của Ngân hàng Nhà nước hoặc Quyết định của Thống đốc Ngân	14. <i>Quyết định cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước</i> là Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng trong trường hợp việc cho vay đặc biệt thuộc thẩm quyền quyết định của Ngân hàng Nhà nước hoặc Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà	Phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Thông tư sau khi được sửa đổi, bổ sung.

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
hàng Nhà nước để thực hiện cho vay đặc biệt theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp khoản cho vay đặc biệt đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 193 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.	nước để thực hiện cho vay đặc biệt theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp khoản cho vay đặc biệt đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 193 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 <i>hoặc Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.</i>	
15. Thời hạn cho vay đặc biệt là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày bên cho vay đặc biệt giải ngân tiền cho vay đặc biệt đến ngày bên vay đặc biệt phải trả hết nợ gốc, lãi tiền vay theo Quyết định cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước (đối với trường hợp Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt) hoặc theo thỏa thuận giữa bên cho vay đặc biệt và bên vay đặc biệt (đối với trường hợp tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt).	15. Thời hạn cho vay đặc biệt là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày bên cho vay đặc biệt giải ngân tiền cho vay đặc biệt đến ngày bên vay đặc biệt phải trả hết nợ gốc, lãi tiền vay theo Quyết định cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước (đối với trường hợp Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt) hoặc theo thỏa thuận giữa bên cho vay đặc biệt và bên vay đặc biệt (đối với trường hợp <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i> , tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt).	Phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Thông tư sau khi được sửa đổi, bổ sung.
16. Tổ chức tín dụng hỗ trợ là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 39 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng.	<i>Không thay đổi</i>	
Điều 4. Các trường hợp cho vay đặc biệt		
1. Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt bằng nguồn tiền từ thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền trong các trường hợp sau: a) Cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt và được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền;	1. Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt bằng nguồn tiền từ thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền trong các trường hợp sau: a) Cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt và được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền;	Bổ sung trường hợp NHNN cho vay đặc biệt tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Luật Bảo hiểm tiền gửi.

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
b) Cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành, tổ chức tài chính vi mô để thực hiện phương án phục hồi đã được phê duyệt; c) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt; d) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại đã được chuyển giao bắt buộc để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.	b) Cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành, tổ chức tài chính vi mô để thực hiện phương án phục hồi đã được phê duyệt; c) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt; d) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại đã được chuyển giao bắt buộc để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành; <i>đ) Cho vay đặc biệt lãi suất 0%/năm, không có tài sản bảo đảm đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật số 111/2025/QH15).</i>	
	<i>1a. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng từ quỹ dự phòng nghiệp vụ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật số 111/2025/QH15.</i>	Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Bảo hiểm tiền gửi số 115/2025/QH15: <i>1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho vay đặc biệt từ quỹ dự phòng nghiệp vụ trong trường hợp sau:</i> <i>a) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức tài chính vi mô được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi;</i> <i>b) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt</i>

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
		buộc; <i>c) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được can thiệp sớm và bị rút tiền hàng loạt; được kiểm soát đặc biệt và bị rút tiền hàng loạt để trả tiền gửi cho người gửi tiền.</i>
2. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam cho vay đặc biệt trong các trường hợp sau: a) Cho vay đặc biệt đối với quỹ tín dụng nhân dân bị rút tiền hàng loạt để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền; b) Cho vay đặc biệt đối với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi đã được phê duyệt. 3. Tổ chức tín dụng khác (trừ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam) cho vay đặc biệt trong các trường hợp sau: a) Cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền; b) Cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành, tổ chức tài chính vi mô để thực hiện phương án phục hồi đã được phê duyệt;	<i>Không thay đổi</i>	

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
c) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.		
Điều 5. Nguyên tắc cho vay đặc biệt, xử lý khoản cho vay đặc biệt đã vay		
1. Đối với khoản cho vay đặc biệt đã vay theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này, sau khi phương án cơ cấu lại bên vay đặc biệt được phê duyệt, việc xử lý khoản cho vay đặc biệt, bao gồm khoản cho vay đặc biệt có tài sản bảo đảm hoặc không có tài sản bảo đảm, thời hạn, tài sản bảo đảm (nếu có) của khoản cho vay đặc biệt và các nội dung khác có liên quan được thực hiện theo phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay tại phương án cơ cấu lại bên vay đặc biệt đã được phê duyệt; đối với nội dung không được quy định tại phương án cơ cấu lại bên vay đặc biệt đã được phê duyệt thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư này. 2. Đối với khoản cho vay đặc biệt quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư này, việc cho vay đặc biệt được thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư này và phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc bên vay đặc biệt đã được phê duyệt. 3. Đối với khoản cho vay đặc biệt quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Thông tư này, việc cho vay đặc biệt được thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc bên vay đặc biệt đã được phê duyệt, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cho vay đặc biệt đã được ban hành trước ngày	<i>Không thay đổi</i>	

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
Thông tư này có hiệu lực thi hành, Quyết định cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước và Quy trình cho vay đặc biệt.		
Không quy định	<i>3a. Đối với khoản cho vay đặc biệt quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Thông tư này, việc cho vay đặc biệt thực hiện theo quy định tại Chương IIIa Thông tư này.</i>	Phù hợp với các quy định tại dự thảo Thông tư.
4. Đối với khoản cho vay đặc biệt quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư này, số tiền cho vay đặc biệt, mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt, việc cho vay đặc biệt có tài sản bảo đảm hoặc không có tài sản bảo đảm, lãi suất, thời hạn, tài sản bảo đảm (nếu có) của khoản cho vay đặc biệt, việc ký hợp đồng cho vay đặc biệt, nhận tài sản bảo đảm (nếu có), giải ngân, trả nợ cho vay đặc biệt, việc miễn, giảm tiền lãi cho vay đặc biệt, việc xử lý đối với khoản cho vay đặc biệt đã cho vay (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt, lãi suất đối với nợ gốc cho vay đặc biệt quá hạn) và các nội dung khác có liên quan thực hiện theo quy định nội bộ của bên cho vay đặc biệt, thỏa thuận giữa bên cho vay đặc biệt và bên vay đặc biệt, phù hợp với quy định của pháp luật về cho vay đặc biệt và phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc bên vay đặc biệt đã được phê duyệt (nếu có).	4. Đối với khoản cho vay đặc biệt quy định tại khoản 1a, khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư này, số tiền cho vay đặc biệt, mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt, việc cho vay đặc biệt có tài sản bảo đảm hoặc không có tài sản bảo đảm, lãi suất, thời hạn, tài sản bảo đảm (nếu có) của khoản cho vay đặc biệt, việc ký hợp đồng cho vay đặc biệt, nhận tài sản bảo đảm (nếu có), giải ngân, trả nợ cho vay đặc biệt, việc miễn, giảm tiền lãi cho vay đặc biệt, việc xử lý đối với khoản cho vay đặc biệt đã cho vay (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt, lãi suất đối với nợ gốc cho vay đặc biệt quá hạn) và các nội dung khác có liên quan thực hiện theo quy định nội bộ của bên cho vay đặc biệt, thỏa thuận giữa bên cho vay đặc biệt và bên vay đặc biệt, phù hợp với quy định của pháp luật về cho vay đặc biệt và phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc bên vay đặc biệt đã được phê duyệt (nếu có).	Phù hợp với quy định về thẩm quyền quyết định việc cho vay đặc biệt của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tại Luật Các TCTD (đã được sửa đổi, bổ sung) và Luật Bảo hiểm tiền gửi. ²
Không quy định	<i>4a. Quỹ tín dụng nhân dân không được cho</i>	Bổ sung quy định cho phù hợp với

² Khoản 3 Điều 193 Luật Các TCTD (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: Tổ chức bảo hiểm tiền gửi, TCTD khác quyết định cho vay đặc biệt đối với TCTD; Khoản 3 Điều 35 Luật Bảo hiểm tiền gửi quy định: Tổ chức bảo hiểm tiền gửi quyết định việc cho vay đặc biệt có hoặc không có lãi suất, có hoặc không có tài sản bảo đảm; xây dựng quy định nội bộ về cho vay đặc biệt các TCTD.

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
	<i>vay đặc biệt đối với quỹ tín dụng nhân dân khác.</i>	quy định tại điểm c khoản 4 Điều 126 Luật Các TCTD năm 2024 (đã được sửa đổi, bổ sung) ³ , khoản 4 Điều 24 Thông tư số 29/2024/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) ⁴ .
5. Đối với khoản cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, đồng tiền cho vay, trả nợ là đồng Việt Nam. 6. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Luật Các tổ chức tín dụng. 7. Trong trường hợp một bên vay đặc biệt phải trả nợ nhiều khoản vay đặc biệt từ nhiều bên cho vay đặc biệt, nếu bên vay đặc biệt không đủ nguồn để trả hết nợ vay đặc biệt thì trả nợ theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số dư nợ (bao gồm cả gốc, lãi) của từng bên cho vay đặc biệt tại thời điểm trả nợ. 8. Việc nhận, xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay đặc biệt thực hiện theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.	<i>Không thay đổi</i>	
	9. Đối với khoản cho vay đặc biệt quy định tại khoản 1a Điều 4 Thông tư này, sau khi phương án phá sản bên vay đặc biệt được phê duyệt, số tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã cho vay đặc biệt được xử	Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Bảo hiểm tiền gửi số 115/2025/QH15: <i>2. Sau khi phương án phá sản được</i>

³ Điều 126. Hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân

4. Các hoạt động kinh doanh khác của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm:

c) Vay, gửi tiền tại ngân hàng hợp tác xã; vay tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Các quỹ tín dụng nhân dân không được cho vay, gửi tiền lẫn nhau;

⁴ Điều 24. Huy động vốn

4. Vay tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Quỹ tín dụng nhân dân không được cho vay, gửi tiền lẫn nhau.

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
	lý theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật số 111/2025/QH15.	<i>phê duyệt, số tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã cho vay đặc biệt được chuyển thành khoản tiền chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.</i>
Điều 6. Thẩm quyền quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước 1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư này, trừ tổ chức tín dụng là quỹ tín dụng nhân dân. 2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở đặt trên địa bàn thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này.	Điều 6. Thẩm quyền quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước 1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng, <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i> thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, <i>điểm d</i> khoản 1 Điều 4 Thông tư này, trừ tổ chức tín dụng là quỹ tín dụng nhân dân. 2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở đặt trên địa bàn thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này.	Phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Thông tư sau khi được sửa đổi, bổ sung.
Điều 7. Chuyển khoản vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước, khoản vay của quỹ tín dụng nhân dân tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam thành khoản vay đặc biệt	<i>Không thay đổi</i>	
Điều 8. Thẩm quyền ký các văn bản trong hồ sơ đề nghị của bên vay đặc biệt, hợp đồng cho vay đặc biệt Thẩm quyền ký các văn bản của bên vay đặc biệt trong hồ sơ đề nghị vay đặc biệt, hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn vay đặc biệt, hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, hợp đồng cho vay đặc biệt, văn bản đề nghị bổ sung, thay thế, chấm	<i>Không thay đổi</i>	

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
dứt cầm cố, chấm dứt thế chấp tài sản bảo đảm tài sản bảo đảm cho khoản vay đặc biệt là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền (sau đây gọi là người đại diện hợp pháp) của bên vay đặc biệt. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký, hồ sơ đề nghị vay đặc biệt, hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn vay đặc biệt, hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, hợp đồng cho vay đặc biệt, văn bản đề nghị bổ sung, thay thế, chấm dứt cầm cố, chấm dứt thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay đặc biệt phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.		
Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Quyết định cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước	<i>Không thay đổi</i>	
Chương II NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG BỊ RÚT TIỀN HÀNG LOẠT VÀ ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT	<i>Không thay đổi</i>	
Chương III NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỂ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN PHỤC HỒI, PHƯƠNG ÁN CHUYỂN GIAO BẮT BUỘC ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT	<i>Không thay đổi</i>	

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
<i>Không quy định</i>	<i>Chương IIIa</i> <i>NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI</i>	

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
Không quy định	Điều 29a. Mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt, số tiền, thời hạn, lãi suất cho vay đặc biệt 1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi chỉ được sử dụng tiền vay đặc biệt để chi trả tiền bảo hiểm. 2. Số tiền cho vay đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định theo đề nghị của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và không vượt quá số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật số 111/2025/QH15. 3. Thời hạn cho vay đặc biệt theo đề nghị của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phù hợp với dự kiến của tổ chức bảo hiểm tiền gửi về các nguồn thu để trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật số 111/2025/QH15. 4. Lãi suất cho vay đặc biệt: a) Lãi suất đối với nợ gốc cho vay đặc biệt, bao gồm nợ gốc trong hạn và nợ gốc quá hạn là 0%/năm; b) Không áp dụng lãi suất đối với nợ lãi chậm trả.	Phù hợp với quy định tại Luật Bảo hiểm tiền gửi số 115/2025/QH15, cụ thể: (i) Trường hợp số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để <u>trả tiền bảo hiểm</u>, tổ chức BHTG được NHNN cho vay đặc biệt để trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Điều này (Khoản 4 Điều 36); (ii) Tổ chức BHTG được vay đặc biệt với lãi suất 0%, không có tài sản bảo đảm từ NHNN trong trường hợp quy định tại Điều 21 của Luật này⁵ và khi số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để <u>trả tiền bảo hiểm</u>. Số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để <u>trả tiền bảo hiểm</u> được xác định khi tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã sử dụng hết số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ mà vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ <u>trả tiền bảo hiểm</u>. Việc bán giấy tờ có giá chưa đến hạn, rút các khoản tiền gửi chưa đến hạn phải bảo đảm nguyên tắc bảo toàn vốn trong hoạt động đầu tư (Khoản 1 Điều 38); (iii) Tổ chức BHTG xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp phần vay đặc biệt; sử dụng tiền trả nợ vay đặc biệt của TCTD, nguồn thu từ bán giấy tờ có giá do tổ chức BHTG nắm giữ, từ thanh lý tài sản của TCTD vay đặc biệt, phí bảo hiểm tiền gửi để ưu tiên hoàn trả nợ vay đặc biệt cho

⁵ Điều 21 Luật BHTG số 111/2025/QH15 quy định: “Nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ một trong các thời điểm sau đây: 1. Phương án phá sản TCTD được phê duyệt hoặc NHNN có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền; 2. NHNN có văn bản đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của TCTD được kiểm soát đặc biệt và tổ chức tín dụng đó có lỗ lũy kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; 3. NHNN có văn bản thông báo cho tổ chức BHTG về việc trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật này.”

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
		NHNN (khoản 2 Điều 38).
<i>Không quy định</i>	<i>Điều 29b. Trình tự cho vay đặc biệt</i> <i>1. Khi có nhu cầu vay đặc biệt, tổ chức bảo hiểm tiền gửi gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị cho vay đặc biệt đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền</i>	Phù hợp với quy định tại Điều 38 Luật Bảo hiểm tiền gửi số 115/2025/QH15 và thống nhất với các quy định NHNN cho vay đặc biệt đối với TCTD.

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
	tệ). <i>Hồ sơ đề nghị vay đặc biệt gồm:</i> a) Giấy đề nghị vay đặc biệt, trong đó nêu rõ: số tiền, thời hạn đề nghị vay đặc biệt, mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt; lý do đề nghị vay đặc biệt; số tài khoản bằng đồng Việt Nam mở tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước; cam kết sử dụng tiền vay đúng mục đích và tuân thủ quy định của pháp luật về cho đặc biệt; b) Báo cáo cụ thể các nội dung: tổ chức bảo hiểm tiền gửi thuộc trường hợp được vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật số 111/2025/QH15; giải trình cụ thể về số tiền đề nghị vay đặc biệt không vượt quá số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để trả tiền bảo hiểm; lộ trình trả nợ vay đặc biệt và nguồn dự kiến trả nợ vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước (trong đó nêu rõ các nguồn tiền quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật số 111/2025/QH15); c) Nghị quyết của Hội đồng quản trị tổ chức bảo hiểm tiền gửi thông qua việc đề nghị vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước. 2. Trường hợp hồ sơ đề nghị vay đặc biệt của tổ chức bảo hiểm tiền gửi chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) có văn bản yêu cầu tổ chức bảo hiểm tiền gửi bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 3. Trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị vay đặc biệt của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định việc	

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
	<i>cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.</i>	
Không quy định	Điều 29c. Ký hợp đồng cho vay đặc biệt, giải ngân khoản vay đặc biệt <i>1. Trên cơ sở Quyết định cho vay đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 29b Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) và tổ chức bảo hiểm tiền gửi ký hợp đồng cho vay đặc biệt với các nội dung cơ bản theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.</i> <i>2. Giải ngân cho vay đặc biệt:</i> <i>a) Khi có nhu cầu được giải ngân vốn vay đặc biệt, tổ chức bảo hiểm tiền gửi gửi văn bản đề nghị giải ngân vốn vay đặc biệt đến Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch); trong đó nêu rõ số tiền, thời điểm, lý do đề nghị giải ngân;</i> <i>b) Trên cơ sở hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị giải ngân vốn vay đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) phê duyệt, giải ngân vốn vay đặc biệt theo số tiền tại văn bản đề nghị giải ngân vốn vay đặc biệt của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.</i>	Phù hợp và thống nhất với các quy định NHNN cho vay đặc biệt đối với TCTD.
Không quy định	Điều 29d. Trả nợ vay đặc biệt <i>1. Khi khoản vay đặc biệt đến hạn, tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải trả hết nợ cho Ngân hàng Nhà nước.</i> <i>2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thể trả nợ vay đặc biệt trước hạn; tổ chức bảo hiểm tiền gửi không phải trả phí trả nợ trước hạn.</i> <i>3. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi có</i>	Phù hợp và thống nhất với các quy định NHNN cho vay đặc biệt đối với TCTD.

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
	<i>tiền thu được từ các nguồn quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật số 111/2025/QH15, trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu tháng tiếp theo (tháng T+1), tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải sử dụng số tiền thu được trong tháng trước liền kề (tháng T) để trả nợ vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước.</i> <i>4. Trường hợp bị phát hiện không trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều này, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo vi phạm theo điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 36b Thông tư này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải trả nợ số tiền vay đặc biệt phải trả theo quy định nhưng chưa được trả đúng hạn.</i> <i>5. Trường hợp qua công tác thanh tra, giám sát phát hiện tổ chức bảo hiểm tiền gửi sử dụng số tiền vay đặc biệt không đúng mục đích, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo vi phạm theo điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 36b Thông tư này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải trả nợ số tiền vay đặc biệt bị phát hiện sử dụng không đúng mục đích.</i> <i>6. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi không trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước sẽ áp dụng các biện pháp xử lý sau:</i> <i>a) Chuyển dư nợ khoản vay đặc biệt sang theo dõi quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng và các tổ chức khác;</i>	

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
	<i>b) Trích tiền tài khoản của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước để thu hồi nợ vay đặc biệt quá hạn vào ngày làm việc tiếp theo ngày chuyển nợ quá hạn; trường hợp chưa thu hồi đủ số tiền vay đặc biệt phải trả, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục theo dõi, trích tiền tài khoản của tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho đến khi thu hồi hết nợ.</i> <i>7. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi không trả nợ theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này, Ngân hàng Nhà nước thực hiện trích tiền tài khoản của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước để thu hồi nợ vay đặc biệt vào ngày làm việc tiếp theo ngày hết thời hạn trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này; trường hợp chưa thu hồi đủ số tiền vay đặc biệt phải trả, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục theo dõi, trích tiền tài khoản của tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho đến khi thu hồi hết nợ.</i>	
Chương IV VIỆC CHO VAY ĐẶC BIỆT CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC	Chương IV VIỆC CHO VAY ĐẶC BIỆT CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI, TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC	Phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Thông tư sau khi được sửa đổi, bổ sung.
Điều 30. Trình tự cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt	Điều 30. Trình tự cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt	
1. Khi có nhu cầu vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư này, tổ chức tín dụng gửi hồ sơ đề nghị đến tổ chức tín dụng khác theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng khác về việc cho vay đặc biệt đối	1. Khi có nhu cầu vay đặc biệt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật số 111/2025/QH15, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư này, tổ chức tín dụng gửi hồ sơ đề nghị đến <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i>, tổ chức tín dụng khác theo quy định nội bộ của <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i>, tổ chức	Phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15.

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
với tổ chức tín dụng.	tín dụng khác về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.	
2. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp có thể cho vay đặc biệt, tổ chức tín dụng khác gửi hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này để lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước Khu vực (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị vay đặc biệt là quỹ tín dụng nhân dân) hoặc Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị vay đặc biệt không phải là quỹ tín dụng nhân dân) về các nội dung sau: a) Thông tin về việc tổ chức tín dụng đề nghị vay đặc biệt bị rút tiền hàng loạt; b) Nội dung về biện pháp vay đặc biệt tổ chức tín dụng khác trong phương án khắc phục, phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt của tổ chức tín dụng đề nghị vay đặc biệt (nếu có).	2. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp có thể cho vay đặc biệt, <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i>, tổ chức tín dụng khác gửi hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này để lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước Khu vực (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị vay đặc biệt là quỹ tín dụng nhân dân) hoặc Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị vay đặc biệt không phải là quỹ tín dụng nhân dân) về các nội dung sau: a) Thông tin về việc tổ chức tín dụng đề nghị vay đặc biệt bị rút tiền hàng loạt; b) Nội dung về biện pháp vay đặc biệt <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i>, tổ chức tín dụng khác trong phương án khắc phục, phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt của tổ chức tín dụng đề nghị vay đặc biệt (nếu có).	Phù hợp, thống nhất với các quy định khác tại dự thảo Thông tư.
3. Tổ chức tín dụng khác xem xét, quyết định đối với đề nghị vay đặc biệt của tổ chức tín dụng theo quy định nội bộ về cho vay đặc biệt của mình.	3. <i>Tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i>, tổ chức tín dụng khác xem xét, quyết định đối với đề nghị vay đặc biệt của tổ chức tín dụng theo quy định nội bộ về cho vay đặc biệt của mình.	Phù hợp, thống nhất với các quy định khác tại dự thảo Thông tư.
4. Khi có nhu cầu gia hạn thời hạn vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư này: a) Bên vay đặc biệt gửi hồ sơ đề nghị đến bên cho vay đặc biệt theo quy định nội bộ của bên cho vay đặc biệt về việc cho vay đặc biệt đối	4. Khi có nhu cầu gia hạn thời hạn <i>của khoản</i> vay đặc biệt quy định tại <i>điểm c khoản 1 Điều 35 Luật số 111/2025/QH15</i>, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư này: a) Bên vay đặc biệt gửi hồ sơ đề nghị đến bên cho vay đặc biệt theo quy định nội bộ của bên cho	- Chính sửa từ ngữ cho rõ ràng hơn. - Phù hợp, thống nhất với các quy định khác tại dự thảo Thông tư.

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
với tổ chức tín dụng; b) Bên cho vay đặc biệt xem xét, quyết định việc gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt đối với bên vay đặc biệt theo quy định nội bộ về cho vay đặc biệt của mình.	vay đặc biệt về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng; b) Bên cho vay đặc biệt xem xét, quyết định việc gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt đối với bên vay đặc biệt theo quy định nội bộ về cho vay đặc biệt của mình.	
Điều 31. Trình tự cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt 1. Khi có nhu cầu vay đặc biệt, gia hạn thời hạn vay đặc biệt quy định tại điểm b khoản 2, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 4 Thông tư này, tổ chức tín dụng gửi hồ sơ đề nghị đến tổ chức tín dụng khác theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng khác về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng khác quyết định cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt theo quy định nội bộ về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng và phù hợp với phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc bên vay đặc biệt đã được phê duyệt.	Điều 31. Trình tự cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt 1. Khi có nhu cầu vay đặc biệt, gia hạn thời hạn vay đặc biệt quy định tại <i>điểm a, điểm b khoản 1 Điều 35 Luật số 111/2025/QH15</i>, điểm b khoản 2, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 4 Thông tư này, tổ chức tín dụng gửi hồ sơ đề nghị đến <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i>, tổ chức tín dụng khác theo quy định nội bộ của <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i>, tổ chức tín dụng khác về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng. 2. <i>Tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i>, tổ chức tín dụng khác quyết định cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt theo quy định nội bộ về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng và phù hợp với phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc bên vay đặc biệt đã được phê duyệt.	- Phù hợp với quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 35 Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15. - Phù hợp, thống nhất với các quy định khác tại dự thảo Thông tư.
Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
<i>Không quy định</i>	Mục 1. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN TRONG TRƯỜNG HỢP CHO VAY ĐẶC BIỆT	Bổ cục lại Chương V cho phù hợp với từng đối tượng vay đặc biệt.

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
	<i>ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG</i>	
Điều 32. Trách nhiệm của bên vay đặc biệt		
1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho bên cho vay đặc biệt các văn bản về việc vay đặc biệt; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các văn bản đã cung cấp; tự chịu trách nhiệm về việc tuân thủ quy định của pháp luật về hoạt động cấp tín dụng đối với hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng phát sinh quyền đòi nợ gốc, khoản lãi phải thu làm tài sản bảo đảm cho khoản vay đặc biệt (trừ trường hợp quyền đòi nợ gốc, khoản lãi phải thu được mua từ tổ chức tín dụng hỗ trợ, bên nhận chuyển giao bắt buộc). 2. Chịu trách nhiệm về: a) Tài sản bảo đảm cho khoản vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 15 hoặc Điều 24 Thông tư này (trong trường hợp vay đặc biệt có tài sản bảo đảm); b) Chỉ sử dụng tài sản bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này khi đã sử dụng hết tài sản quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này (trường hợp đề nghị vay đặc biệt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này). 3. Sử dụng tiền vay đặc biệt đúng mục đích, trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này, phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt và hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký; cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các văn bản chứng	<i>Không thay đổi</i>	

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
minh việc sử dụng tiền vay đặc biệt đúng mục đích theo yêu cầu của đơn vị có trách nhiệm giám sát việc sử dụng tiền vay đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 34, khoản 1 Điều 35 và khoản 2, khoản 5 Điều 36 Thông tư này. 4. Trong thời gian vay đặc biệt, bên vay đặc biệt có trách nhiệm: a) Không sử dụng tài sản bảo đảm cho khoản vay đặc biệt vào mục đích khác; b) Theo dõi, đánh giá điều kiện của tài sản bảo đảm cho khoản vay đặc biệt; bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm; bảo quản, lưu giữ các hồ sơ tín dụng phát sinh quyền đòi nợ gốc, khoản lãi phải thu làm tài sản bảo đảm cho khoản vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này; c) Bổ sung tài sản theo quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 24 Thông tư này làm tài sản bảo đảm trong trường hợp vay đặc biệt quy định tại Điều 25 Thông tư này theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt. 5. Báo cáo Ban kiểm soát đặc biệt: a) Khi phát sinh trường hợp tài sản bảo đảm không đủ điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 14, điểm a khoản 4 Điều 24 Thông tư này hoặc khi đã sử dụng hết tài sản bảo đảm quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này; b) Số tiền thu hồi từ tài sản bảo đảm và nguồn thu của bên vay đặc biệt quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 17 Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh;		

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
c) Việc trả nợ vay đặc biệt trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày trả nợ; d) Kịp thời báo cáo về các vấn đề phát sinh liên quan đến khoản vay đặc biệt và đề xuất biện pháp xử lý. 6. Xử lý tài sản bảo đảm theo quy định và chuyển tiền thu hồi được từ xử lý tài sản bảo đảm về tài khoản mở tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đang hạch toán khoản cho vay đặc biệt để trả nợ vay đặc biệt (đối với trường hợp Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt).		
7. Định kỳ trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu tiên hàng tháng và khi cần thiết, bên vay đặc biệt báo cáo dưới hình thức văn bản giấy về việc sử dụng khoản vay đặc biệt, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến: a) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đang hạch toán khoản cho vay đặc biệt (đối với trường hợp Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt); b) Bên cho vay đặc biệt (đối với trường hợp tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt).	7. Định kỳ trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu tiên hàng tháng và khi cần thiết, bên vay đặc biệt báo cáo dưới hình thức văn bản giấy về việc sử dụng khoản vay đặc biệt, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến: a) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đang hạch toán khoản cho vay đặc biệt (đối với trường hợp Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt); b) Bên cho vay đặc biệt (đối với trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt).	Phù hợp, thống nhất với các quy định khác tại dự thảo Thông tư.
8. Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Thông tư này, quy định của pháp luật có liên quan, hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký và các nội dung về biện pháp cho vay đặc biệt tại phương án cơ cấu lại, phương án chuyển giao bắt buộc theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được phê duyệt của bên vay đặc biệt.	<i>Không thay đổi</i>	

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
Điều 33. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng hỗ trợ, bên nhận chuyển giao bắt buộc 1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm a khoản 6 Điều 26 Thông tư này. 2. Phối hợp theo đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt trong việc thực hiện quy định tại Điều 35 Thông tư này (trường hợp cho vay đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc).	<i>Không thay đổi</i>	
Điều 34. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt	Điều 34. Trách nhiệm của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt	Phù hợp, thống nhất với các quy định khác tại dự thảo Thông tư.
1. Xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư này; báo cáo Ngân hàng Nhà nước (đơn vị được lấy ý kiến theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư này) việc chấp thuận hoặc không chấp thuận cho vay đặc biệt. 2. Ban hành quy định nội bộ về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng, trong đó tối thiểu có các nội dung về hồ sơ đề nghị cho vay đặc biệt, xem xét, quyết định cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt, giải ngân, thu nợ cho vay đặc biệt, tài sản bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm.	<i>Không thay đổi</i>	
3. Trong trường hợp cho vay đặc biệt theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư này: a) Đầu mối giám sát việc sử dụng vốn vay	3. Trong trường hợp cho vay đặc biệt theo quy định tại khoản 1a, khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư này: a) Đầu mối giám sát việc sử dụng vốn vay đặc	Phù hợp, thống nhất với các quy định khác tại dự thảo Thông tư.

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
đặc biệt của bên vay đặc biệt; b) Đơn đốc, yêu cầu bên vay đặc biệt trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này, phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt, hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký; c) Nhận tài sản bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận với bên vay đặc biệt và quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo của tháng có dư nợ cho vay đặc biệt hoặc có thay đổi về khoản cho vay đặc biệt, báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.	biệt của bên vay đặc biệt; b) Đơn đốc, yêu cầu bên vay đặc biệt trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này, phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt, hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký; c) Nhận tài sản bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận với bên vay đặc biệt và quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo của tháng có dư nợ cho vay đặc biệt hoặc có thay đổi về khoản cho vay đặc biệt, báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.	
4. Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.	<i>Không thay đổi</i>	
Điều 35. Trách nhiệm của Ban kiểm soát đặc biệt	<i>Không thay đổi</i>	
Điều 36. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước	<i>Không thay đổi</i>	
<i>Không quy định</i>	<i>Mục 2. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN TRONG TRƯỜNG HỢP CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI</i> <i>Điều 36b. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước</i> <i>1. Vụ Chính sách tiền tệ:</i> <i>Đầu mỗi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà</i>	Phù hợp, thống nhất với các quy định tại dự thảo Thông tư; đồng thời, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc NHNN.

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
	<i>nước xem xét, quyết định cho vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này.</i> <i>2. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:</i> <i>a) Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này;</i> <i>b) Giám sát và xử lý theo thẩm quyền đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;</i> <i>c) Trường hợp nhận được thông báo từ cơ quan có thẩm quyền hoặc qua công tác giám sát phát hiện tổ chức bảo hiểm tiền gửi sử dụng tiền vay đặc biệt không đúng mục đích hoặc không trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều 29d Thông tư này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản thông báo vi phạm gửi tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Sở Giao dịch, đồng thời gửi Vụ Chính sách tiền tệ;</i> <i>d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này.</i> <i>3. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước:</i> <i>a) Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này;</i> <i>b) Thanh tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;</i> <i>c) Trường hợp qua công tác thanh tra phát hiện tổ chức bảo hiểm tiền gửi sử dụng tiền vay đặc biệt không đúng mục đích hoặc không trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều 29d Thông tư này, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có văn bản</i>	

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
	<i>thông báo vi phạm gửi tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Sở Giao dịch, đồng thời gửi Vụ Chính sách tiền tệ, Cục quản lý, giám sát tổ chức tín dụng;</i> <i>d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này.</i> 4. Sở Giao dịch: <i>a) Thực hiện ký hợp đồng cho vay đặc biệt theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này, giải ngân, thu nợ cho vay đặc biệt theo quy định tại Thông tư này, Quyết định cho vay đặc biệt và các quy định pháp luật có liên quan;</i> <i>b) Thực hiện quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 29d Thông tư này;</i> <i>c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo tháng có dư nợ cho vay đặc biệt hoặc có thay đổi về khoản cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đồng thời gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Vụ Chính sách tiền tệ số liệu cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.</i> 5. Vụ Tài chính – Kế toán: <i>Hướng dẫn hạch toán kế toán liên quan đến việc Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.</i>	
Điều 37. Điều khoản chuyển tiếp	<i>Không thay đổi</i>	
Phụ lục I SỐ LIỆU TIỀN GỬI BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM	<i>Không thay đổi</i>	

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
Phụ lục II SỐ LIỆU VỀ NGUỒN VỐN, SỬ DỤNG VỐN BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM	<i>Không thay đổi</i>	
Phụ lục IIIA DANH MỤC TÀI SẢN BẢO ĐẢM CHO KHOẢN VAY ĐẶC BIỆT (trường hợp tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt và được kiểm soát đặc biệt vay đặc biệt)	<i>Không thay đổi</i>	
Phụ lục IIIB DANH MỤC TÀI SẢN BẢO ĐẢM CHO KHOẢN VAY ĐẶC BIỆT (trường hợp vay đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc)	<i>Không thay đổi</i>	
Phụ lục IV CÁCH XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN BẢO ĐẢM CHO KHOẢN VAY ĐẶC BIỆT CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG	<i>Không thay đổi</i>	
Phụ lục V HỢP ĐỒNG CHO VAY ĐẶC BIỆT	<i>Không thay đổi</i>	
Phụ lục VI BÁO CÁO SỐ LIỆU CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG ... Hướng dẫn lập biểu:	Phụ lục VI BÁO CÁO SỐ LIỆU CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG ... Hướng dẫn lập biểu:	Phù hợp, thống nhất với các quy định khác tại dự thảo Thông tư.

Quy định tại Thông tư 35	Quy định tại dự thảo Thông tư hợp nhất	Cơ sở đề xuất
1. Đơn vị thực hiện báo cáo: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đang hạch toán khoản cho vay đặc biệt; tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt. 2. Đơn vị nhận báo cáo: - Đối với báo cáo do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đang hạch toán khoản cho vay đặc biệt thực hiện, đơn vị nhận báo cáo gồm: Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng; Vụ Chính sách tiền tệ. - Đối với báo cáo do tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt thực hiện, đơn vị nhận báo cáo gồm: Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng; Ngân hàng Nhà nước Khu vực (trường hợp bên vay đặc biệt là quỹ tín dụng nhân dân). 3. Phương thức gửi báo cáo: Báo cáo dưới hình thức văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. 4. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng báo cáo.	1. Đơn vị thực hiện báo cáo: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đang hạch toán khoản cho vay đặc biệt; <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i>, tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt. 2. Đơn vị nhận báo cáo: - Đối với báo cáo do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đang hạch toán khoản cho vay đặc biệt thực hiện, đơn vị nhận báo cáo gồm: Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng; Vụ Chính sách tiền tệ. - Đối với báo cáo do <i>tổ chức bảo hiểm tiền gửi</i>, tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt thực hiện, đơn vị nhận báo cáo gồm: Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng; Ngân hàng Nhà nước Khu vực (trường hợp bên vay đặc biệt là quỹ tín dụng nhân dân). 3. Phương thức gửi báo cáo: Báo cáo dưới hình thức văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. 4. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng báo cáo.	
Không quy định	Phụ lục VII HỢP ĐỒNG CHO VAY ĐẶC BIỆT	Phù hợp với các quy định tại dự thảo Thông tư và làm cơ sở cho các bên triển khai thực hiện.
Không quy định	Phụ lục VIII BÁO CÁO SỐ LIỆU CHO VAY ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI	Dự thảo Thông tư bổ sung Phụ lục VIII để thống kê số liệu về việc NHNN cho vay đặc biệt đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi.